

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Kinh doanh và Quản lý**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

2. Ngày tháng năm sinh: **30-06-1962**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Xã Hoa Nam, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình**.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): **Số 45, tổ 12, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): **B20-01, Chung cư 21 tầng Lilama, 124 Minh Khai, Hà Nội**.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913500898; E-mail: tuyetmaisdh@neu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 12/1983 đến năm 1995: Giảng viên, Khoa Mác – Lê Nin, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKQTĐ)

Từ năm 1995 đến năm 1999: Giảng viên, Viện Quản trị Kinh doanh, ĐHKQTĐ

Từ năm 1999 đến năm 2000: Giảng viên, Trưởng Bộ môn, Viện Quản trị Kinh doanh, ĐHKQTĐ

Từ năm 2000 đến năm 2003: Giảng viên chính, Viện Quản trị Kinh doanh, ĐHKQTĐ; NCS Đại học Quốc gia Singapore

Từ năm 2003 đến năm 2006: Giảng viên chính, Viện Quản trị Kinh doanh, ĐHKQTĐ

Từ năm 2006 đến năm 2008: Giảng viên chính, Phó Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, ĐHKQTĐ

Từ năm 2008 đến năm 2010: Giảng viên chính, Giám đốc Trung tâm Kinh tế Phát triển và Chính sách công Việt Nam-Hà Lan, ĐHKQTĐ

Từ năm 2010 đến năm 2011: Giảng viên chính, Viện trưởng Viện Chính sách công và quản lý, ĐHKQTĐ

Từ năm 2011 đến năm 2017: Giảng viên chính, Phó Tổng biên tập, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, ĐHKQTĐ

Từ năm 2017 đến năm 2018: Giảng viên cao cấp, Phó Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế và Phát triển, ĐHKQTĐ

Từ năm 2018 đến nay: Giảng viên cao cấp, Khoa Quản trị Kinh doanh, ĐHKQTĐ

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên cao cấp; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: **Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Địa chỉ cơ quan: **207, Đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Điện thoại cơ quan: **024-36280280**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 2 năm 1990 (quyết định công nhận tốt nghiệp số 1354-QĐ ngày **5/11/1983**), ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Kế hoạch KTQTĐ** (quyết định công nhận tốt nghiệp số 1354-QĐ ngày **5/11/1983**)

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam**

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng 8 năm **1995**, ngành: **Quản trị Kinh doanh**, chuyên ngành: **Marketing**

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Đại học Tổng hợp Bang Boise, Hoa Kỳ**

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 12 năm **2003**, ngành: **Quản trị Kinh doanh**, chuyên ngành: **Marketing**

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Quốc gia Singapore, Singapore**

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm **2009**,
ngành: **Kinh tế**
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HDGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Giáo sư** tại HDGS ngành: **Kinh tế**
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- *Hành vi người tiêu dùng trong nền kinh tế mới nổi*
 - *Marketing vĩ mô (Macromarketing)*
 - *Tinh thần doanh nhân, quản trị tri thức và kết quả hoạt động của doanh nghiệp*
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn (số lượng) **06** NCS (hướng dẫn chính 04) bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
 - Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 05 đề tài cấp Bộ (trong đó **chủ nhiệm 03 đề tài cấp Bộ**); chủ nhiệm 01 và tham gia 01 đề tài cấp Cơ sở; tham gia 02 đề tài của Nafosted; tham gia 01 và là thư ký 01 đề tài NCKH cấp nhà nước (tổng số: 11 đề tài NCKH các cấp).
 - Đã công bố (số lượng) **62** bài báo KH, trong đó **15** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
 - Số lượng sách đã xuất bản **19: 19** thuộc nhà xuất bản có uy tín, trong đó **04** thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín;
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- Danh hiệu *Bài viết xuất sắc nhất* (Outstanding Paper Award) tại Hội thảo quốc tế Pan-Pacific XXXII, 2015 (bài viết “Attracting users to view advertising in facebook: An explorative study in Vietnam”).
 - Danh hiệu *Bài báo xuất sắc nhất của Tạp chí Macromarketing trong lĩnh vực Chất lượng cuộc sống/QOL (Best Annual Journal of Macromarketing QOL Paper Award)* do Hiệp hội quốc tế nghiên cứu về Chất lượng cuộc sống (ISQOLS) bình chọn và trao tặng, 6/2018 (bài báo “Tourism as catalyst for quality of life in transitioning subsistence marketplaces : Perspectives from Ha Long, Vietnam” - bài đăng trên *Journal of Macromarketing* (SSCI, IF: 2.04), 2014)
 - Giấy khen của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích nghiên cứu khoa học nổi bật năm 2019
 - Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 2016
 - Danh hiệu Nhà giáo ưu tú, 2017.
16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ tháng 12 năm 1983, sau khi tốt nghiệp Khoa kế hoạch của trường Đại học Kinh tế Kế hoạch (nay là Trường Đại học KTQD), tôi được phân công về làm cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Kinh tế chính trị, Khoa Mác – Lê Nin của nhà trường. Năm 1995, sau khi tốt nghiệp chương trình cao học QTKD (MBA) của Đại học Tổng hợp Boise - Hoa Kỳ tôi được nhà trường chuyển sang công tác tại Viện Quản trị Kinh doanh. Tới tháng 10/2006 tôi được nhà trường phân công làm Phó Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học. Tiếp sau đó, tôi giữ các cương vị quản lý ở Trung tâm Kinh tế phát triển và Chính sách công Việt Nam-Hà Lan, Viện Chính sách công và Quản lý (2008-2011). Từ 2011 tới đầu năm 2018 tôi giữ chức vụ Phó Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Phát triển, và sau đó về làm công tác giảng dạy tại Khoa Quản trị Kinh doanh. Tính tới nay, với hơn 36 năm công tác tại trường, dù trên cương vị một giảng viên hay khi kiêm thêm cương vị quản lý các đơn vị tôi đều luôn rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, được sinh viên, học viên và NCS đánh giá cao, được bạn bè và đồng nghiệp tôn trọng.

Về công tác giảng dạy: tôi đã tham gia giảng dạy các chương trình từ bậc đại học đến thạc sỹ, tiến sỹ; các chương trình bằng tiếng Việt và tiếng Anh, thực hiện trong nước và ở nước ngoài; các chương trình dài hạn và các khoá đào tạo ngắn hạn cho các tổ chức, doanh nghiệp. Trong công tác giảng dạy tôi luôn tham gia với nhiệt huyết của một người giảng viên và đều nhận được những đánh giá cao của người học.

Về nghiên cứu khoa học: tôi luôn ý thức được vai trò quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với một cán bộ giảng dạy ở trường đại học. Tôi đã chủ động tham gia các đề tài nghiên cứu các cấp (từ cấp cơ sở, cấp Bộ tới cấp Nhà nước, và các dự án hợp tác nghiên cứu với quốc tế), viết sách, giáo trình và tài liệu giảng dạy cho hệ đào tạo đại học và sau đại học (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh). Tôi cũng đã nỗ lực trong hoạt động xuất bản các bài viết trên cả tạp chí trong nước và quốc tế, tham gia các hội nghị, hội thảo ở Việt Nam và nước ngoài.

Tôi tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động cho cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế. Hiện nay tôi là thành viên Hội đồng biên tập của Tạp chí Kinh tế và Phát triển; thành viên của Hội đồng khoa học ngành Kinh tế - Quỹ Khoa học Công nghệ Quốc gia – Nafosted (nhiệm kỳ thứ hai); thành viên Hội đồng chính sách (Policy Board) của *Journal of Macromarketing* (Tạp chí trong danh mục ISI/SSCI), thành viên Hội đồng biên tập *Journal of Emerging Economies and Islamic Research* của Malaysia (Tạp chí trong danh mục ACI/Asean Citation Index); thành viên Ban lãnh đạo (Board's member) của tổ chức khoa học quốc tế ISMD (International Society of Markets and Development) và Hiệp hội Macromarketing. Ngoài ra, tôi cũng tham gia phản biện không thường xuyên (ad-hoc reviewer) cho các tạp chí uy tín quốc tế như *International Marketing Review*, *Journal of Macromarketing*, và *Asian Business and Management* (tất cả là tạp chí SSCI).

Tôi luôn có ý thức hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Tôi thường xuyên tham gia hướng dẫn các nhóm sinh viên NCKH và các nhóm sinh viên do tôi hướng dẫn đã đạt kết quả cao, trong đó có 01 nhóm đạt giải nhì cấp Bộ, 01 nhóm đạt giải ba cấp Bộ và nhiều nhóm đạt giải cấp Trường.

Về các hoạt động khác: ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi luôn nhiệt tình và tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể của nhà trường (tôi đã đảm nhận nhiệm vụ Phó ban tuyên huấn của Đoàn trường và Phó chủ tịch công đoàn trường). Tôi cũng đã được nhận kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ và kỷ niệm chương vì sự nghiệp công đoàn, cùng nhiều giấy khen và bằng khen trong các hoạt động đoàn thể, xã hội.

Về phẩm chất đạo đức: tôi luôn có ý thức rèn luyện và phấn đấu về mọi mặt để giữ vững phẩm chất đạo đức của một người giảng viên.

Tôi tự nhận thấy mình đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số **36** năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015	1	1	2		45	135	180/465/216
2	2015-2016	1	1	3		45	165	210/560/216
3	2016-2017	1	1	2		45	165	210/510/216
3 năm học cuối								
4	2017-2018	2	1	1		45	150	195/442/270
5	2018-2019	3		1	2	57	105	162/437/270
6	2019-2020	2		1	3	136	120	256/500/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS (MBA) tại nước: **Hoa Kỳ**, năm **1995**

Bảo vệ luận án TS tại nước: **Singapore**, năm **2003**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Chương trình Tiên tiến, EMBA, chương trình Tiên sĩ giảng bằng tiếng Anh)**

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Mai	X			X	2009 - 2013	ĐH KTQD	7/8/2013
2	Thansamay Kommasith	X		X		2009 - 2014	ĐH KTQD	5/2/2015
3	Nguyễn Hồng Hà	X		X		2012 - 2015	ĐH KTQD	16/5/2016
4	Phạm Hương Thảo	X			X	2014 -2018	ĐH KTQD	28/3/2019
5	Bùi Anh Tuấn	X		X		2015 - 2019	ĐH KTQD	20/9/2019
6	Phan Thành Hưng	X		X		2017 - 2019	ĐH KTQD	28/5/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Phần này trình bày theo 2 giai đoạn: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS.

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang....

Trước khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Tình huống trong quản trị kinh doanh	TK	NXB Giáo dục, 1999	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn 01 tình huống (138-145)	ĐH KTQD
2	Chủ nghĩa tư bản ở các nước chậm phát triển: Những mâu thuẫn và triển vọng	TK	NXB Chính trị Quốc gia, 2001	06	Tham gia	Tham gia biên soạn	ĐH KTQD
3	Selected Case Studies in Business Administration	TK	NXB Giáo dục (Education Publishing House), 2002	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn 04 tình huống trong Phần 3 (123-126; 139-140; 162-168; 180-183)	ĐH KTQD
4	Learning through case study: Selected Vietnamese Business Cases (Quyển 1) và Teaching notes (Quyển 2)	TK	NXB Lao động - Xã hội 2003	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn tình huống: tr. 110-119 (Q1) và 66-70 (Q2)	ĐH KTQD
5	Business Education and Emerging Market Economies: Perspectives and Best Practices	TK	NXB Kluwer Academic (Boston), 2004	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn Chương 20 (310-326)	ĐH KTQD
6	Conspicuous Consumption in Vietnam, a Transitional Economy	CK	NXB Chính trị Quốc gia, 2007	01	Tác giả		ĐH KTQD
7	Thu thập và sử dụng thông tin marketing của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2007	06	Đồng chủ biên;	Biên soạn Chương 1 (5-28) và 2 (29-58)	ĐH KTQD
8	Consumer Values and Behaviors in Vietnam, A Transitional Economy	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009	Nhiều tác giả	Chủ biên		ĐH KTQD
9	Asian Business & Management – theory, practice and perspectives	GT	NXB Palgrave Macmillan, 2009	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn Chương 13 (278-298)	GS Đại học Sheffield (UK)-chủ biên ĐH KTQD

Sau khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020	TK	NXB Chính trị Quốc gia, 2010	Nhiều tác giả	Tham gia	Tham gia biên soạn	ĐH KTQD
2	Kinh tế Việt Nam năm 2012: Ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế	TK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013	07	Tham gia	Tham gia biên soạn Phần thứ hai	ĐH KTQD
3	Asian Business & Management – theory, practice and perspectives	GT	NXB Palgrave Macmillan, 2014 (tái bản lần 2 có chỉnh sửa và bổ sung)	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn chương 16 (327-346)	GS Đại học Sheffield (UK)-chủ biên ĐH KTQD
4	Một số lý thuyết đương đại về Quản trị Kinh doanh: Ứng dụng trong nghiên cứu	GT	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	06	Tham gia	Biên soạn chương 10 (212-230) và 11 (231-247)	ĐH KTQD
5	Phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	06	Đồng chủ biên	Biên soạn chương 2 (25-52) và 4 (85-114)	ĐH KTQD
6	Đổi mới - sáng tạo trong doanh nghiệp: Nghiên cứu điển hình các doanh nghiệp Dệt may và Công nghệ Thông tin Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017	7	Tham gia	Biên soạn chương 4 (193-280)	ĐH KTQD
7	Asian Business & Management – theory, practice and perspectives	GT	NXB Macmillan International Higher Education, 2019 (tái bản lần 3 có chỉnh sửa và bổ sung)	Nhiều tác giả	Tham gia	Biên soạn chương 17 (250-264)	ĐH KTQD

8	Quản lý điểm đến du lịch	GT	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	05	Chủ biên	Biên soạn chương 5 (121- 171)	Trường ĐH Mở Hà Nội
9	Nghiên cứu định tính: Nguyên lý và thực hành trong quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	02	Chủ biên	Biên soạn chương 2 (49-), 5 (167-198), 6 (199-222) và 7 (223-251)	ĐH KTQD
10	Tiêu dùng xanh: Lý thuyết, thực tiễn và kiến nghị chính sách	CK	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	04	Tham gia	Biên soạn chương 2 (32- 76) và chương 6 (199-227)	ĐH KTQD

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản: **3 (số 6, 9, 10)**; và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS: **2 (số 3 và 7)**.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Phần này trình bày theo 2 giai đoạn: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS.

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Trước khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Chủ nghĩa tư bản ở các nước chậm phát triển, những mâu thuẫn và triển vọng. Mâu thuẫn Bắc – Nam	TK	KHXH06.03 (cấp Nhà nước)	1996-2000	1/11/2000 Xuất sắc
2	Đổi mới hệ thống quản lý nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các tổng công ty nhà nước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	TG	B99-38-05 (cấp Bộ)	1999-2000	3/11/2000 Tốt
3	Vai trò của việc thu thập và sử dụng thông tin marketing đối với kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam	CN	B2005.38.123 (cấp Bộ)	2005- 2006	16/11/2006 Tốt
4	Xây dựng đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020	TG	KX.04.17/06-10 (cấp Nhà nước)	2007-2010	17/07/2010 Xuất sắc

Sau khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản trị doanh nghiệp ở các trường đại học khối kinh tế theo nhu cầu xã hội	CN	B2008.06.95 (cấp Bộ)	2008-2010	18/5/ 2010 Tốt
2	Antecedents and consequences of impulse buying behavior: An empirical study of urban consumers in Vietnam	CN	T2012.30 (cấp Cơ sở)	2012-2013	20/9/2013 Xuất sắc
3	Kinh tế Việt Nam năm 2011 – Ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế	TG	T.2012.01.TĐ (cấp Cơ sở-trọng điểm)	2012-2013	26/3/2013 Xuất sắc
4	Ứng dụng lý thuyết sáng tạo tri thức (knowledge creation) của Nonaka trong doanh nghiệp Việt Nam	TG	B2013-06-17 (cấp Bộ)	2013-2015	3/9/2015 Xuất sắc
5	Nâng cao năng lực sáng tạo của các doanh nghiệp Việt nam – nghiên cứu điển hình hai nhóm ngành: dệt may/da giày/thủy sản và công nghệ thông tin/điện tử/ viễn thông	TG	II4.5-2012.10 Nafosted (cấp Quốc gia)	2013-2015	27/12/2016 Đạt
6	Tác động của chủ nghĩa vật chất tới hành vi mua của người tiêu dùng Việt Nam ở các đô thị lớn	CN	B2016-KHA-03 (cấp Bộ)	2016 – 2018	30/3/2018 Đạt
7	Nghiên cứu các cơ chế chuyển hóa nhận thức và thái độ về vấn đề môi trường thành các nhóm hành vi mua sản phẩm xanh phục vụ phát triển bền vững tại Việt Nam	TG	502.02-2016.07 Nafosted (cấp Quốc gia)	2017-2019	7/5/2020 Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Phần này trình bày theo 2 giai đoạn: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS. Một số điểm lưu ý trong trình bày như sau:

- Trong mỗi giai đoạn, ứng viên sắp xếp thứ tự tạp chí theo 3 mục: Tạp chí Quốc tế, Tạp chí trong nước, và Hội thảo. Trong mỗi mục, bài báo được xếp theo thứ tự thời gian.

- Tác giả chính là tác giả đứng tên đầu tiên trong bài báo, hoặc là tác giả liên hệ (corresponding author), hoặc trong bài có viết các tác giả đóng góp bằng nhau (the authors contributed equally)
- Chỉ số trích dẫn lấy từ Google Scholar (ngày 28/06/2020): Nguyen Thi Tuyet Mai (<https://scholar.google.com/citations?user=fKbEnkhaY58C&hl=en&oi=ao>)

Trước khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
TẠP CHÍ QUỐC TẾ								
1	Bicultural Team Teaching: Experiences from an Emerging Business School	5	Tham gia	<i>Journal of Management Education/</i> 1052-5629	ISI (Q1)	22	26 (4), 429-448	2002
2	An Exploratory Investigation into Impulse Buying Behavior in a Transitional Economy: A Study of Urban Consumers in Vietnam	4	Tác giả chính	<i>Journal of International Marketing/</i> 1069-031X	ISI (IF: 3.375 Q1)	186	11 (2), 13-35	2003
3	Consumer Behaviors in Vietnam, a Transitional Economy	2	Tác giả chính	<i>Journal of Commerce/</i> 0286-7702	Quốc tế khác	1	8 (3), 107-124	2007
4	Marketing Information, Entrepreneurial Orientation and the Performance of SMEs	3	Tham gia	<i>Journal of Business Venturing/</i> 0883-9026	ISI (IF: 6.333 Q1)	1002	22 (4), 592-611	2007
5	Measuring Status Orientations: Scale Development and Validation in the Context of an Asian Transitional Economy	3	Tham gia	<i>Journal of Marketing: Theory and Practice/</i> 1069-6679	ISI (IF: 1.63 Q2)	24	17 (2), 175-187	2009
6	Measurement of Modern and Traditional Self-Concepts in Asian Transitional Economies	3	Tác giả chính	<i>Journal of Asia-Pacific Business/</i> 1059-9231	Scopus (IF: 0.93 Q2)	18	10 (3), 201-220	2009

TẠP CHÍ TRONG NƯỚC								
7	Vài nét về nhiệm vụ của khoa học xã hội và nhân văn trong giai đoạn hiện nay	1	Tác giả	<i>Công tác Khoa giáo</i>			Số 10, 13-14	1996
8	Tạo lập quan hệ công chúng – Một công cụ khuếch trương sản phẩm của doanh nghiệp.	1	Tác giả	<i>Tạp chí Kinh tế và Phát triển</i>			Số 11, 70-75	1998
9	Một số kết quả nghiên cứu ban đầu về hành vi mua hàng ngẫu hứng của người tiêu dùng trong nền kinh tế chuyển đổi ở Việt Nam.	1	Tác giả	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển</i>			Số tháng 1, 30-33	2003
10	Materialism and related issues in the context of Vietnam, a transitional economy.	1	Tác giả	<i>Journal of Economics & Development</i>			17 (March), 17-20	2005
11	Một số thay đổi về giá trị và khuynh hướng tiêu dùng tại các thành phố lớn ở Việt Nam.	1	Tác giả	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/ 1859-0012</i>			Số 111 (tháng 9), 36-38; 48	2006
12	Changes in consumer values and tendency of luxury consumption in urban Vietnam	1	Tác giả	<i>Journal of Economics and Development/ 1859-0020</i>			25 (March), 23-25	2007
13	Hành vi mua hàng ngẫu hứng và hậu quả của nó đối với người tiêu dùng.	1	Tác giả	<i>Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới/ 0868-2984</i>			5 (133), 71-74	2007
14	An Investigation into Factors Influencing Impulse Buying Behaviors of Urban Vietnamese Consumers	4	Tác giả chính	<i>International Vision (Tạp chí của CFVG)</i>			Số 11, 162-171	2007
15	Khuynh hướng tinh thần doanh nhân và những ảnh hưởng của nó đối với các hoạt động của doanh nghiệp.	1	Tác giả	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/ 1859-0012</i>			Số 120, 31-32 & 36	2007

16	Enhancing Entrepreneurial Orientation, a Stimulus for Business Development in Vietnam during the economic Recession	1	Tác giả	<i>International Vision</i> (Tập chí của CFVG)			Số 13, 85-95	2009
HỘI THẢO								
17	National Identity, Consumer Ethnocentrism and Product Preferences in Vietnam: A Conjoint Analysis	4	Tham gia	<i>Asia Pacific Advances in Consumer Research</i> tại Trung Quốc/0-915552-50-7	Hội nghị có phản biện kín; Có ký copyright khi đăng ký yếu	14	Volume 5 169-173	2002
18	An Exploratory Investigation into Outcomes of Impulse Buying in Vietnam, a Transitional Economy	2	Tác giả chính	<i>Asia Pacific Advances in Consumer Research</i> tại Úc/0-915552-58-2	Hội nghị có phản biện kín; Có ký copyright khi đăng ký yếu	4	Volume 7 7-13	2006

Sau khi được công nhận chức danh PGS

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
TẠP CHÍ QUỐC TẾ								
1	Antecedents and Consequences of Status Consumption among Urban Vietnamese Consumers	2	Tác giả chính	<i>Organizations and Markets in Emerging Economies/</i> 2029-4581	ISI (IF: 0.29 Q4)	48	2 (1), 75-98	2011
2	The Impact of Status Orientations on Purchase Preference for Foreign Products in Vietnam, and Implications for Policy and Society	2	Tác giả chính	<i>Journal of Macromarketing/</i> 0276-1467	ISI (IF: 2.04 Q1)	29	32 (1), 47-55	2012

3	Book review: “Learning to be Capitalists: Entrepreneurs in Vietnam’s Transition Economy” by Annette Miae Kim	1	Tác giả	<i>Asian Business & Management/</i> 1472-4782	ISI (IF: 1.231 Q2)		11 (5), 655-659	2012
4	Purchase Preference for Imported Products: A Comparative Study between Vietnam and China	3	Tác giả chính	<i>Chuo Business Review,</i> 1347-9938	Quốc tế khác		Số 21, 3-13	2012
5	Materialism and Satisfaction with Life: A Study of Emerging Urban Vietnamese Consumers	1	Tác giả	<i>Journal of Commerce</i>	Quốc tế khác		54 (5), 79-102	2013
6	An Investigation into Antecedents and Consequences of Impulse buying: A study of Urban Consumers in Vietnam	4	Tác giả chính	<i>Euro Asia Journal of Management/</i> 0872-8496	Quốc tế khác	2	Số 23 tập 1/2, 3-18	2013
7	Service Quality and its Impact on Patient Satisfaction: An Investigation in Vietnamese Public Hospitals	2	Tác giả chính (tác giả liên hệ)	<i>Journal of Emerging Economies and Islamic Research/</i> 2289-2559	ACI (Asean Citation Index)	22	2 (1), 1-13	2014
8	Tourism as Catalyst for Quality of Life in Transitioning Subsistence Marketplaces: Perspectives from Ha Long, Vietnam	3	Tác giả chính	<i>Journal of Macromarketing/</i> 0276-1467	ISI (IF: 2.04 Q1) Giải bài báo xuất sắc nhất về QOL	20	34 (1), 28-44	2014
9	The impact of foreign direct investment on economic development of the Lao PDR	2	Tham gia	<i>Journal of Sengsavan Business and Commerce Review</i>	Quốc tế khác		1 (1), 184-196	2014
10	Factors influencing performance of telecommunication international joint ventures in Laos	2	Tham gia	<i>Journal of Sengsavan Business and Commerce Review</i>	Quốc tế khác		1 (1), 197-204	2014

11	Knowledge Creation, Innovation and Financial Performance of Firms: Evidence from Vietnam	3	Tác giả chính (all authors equally contributed)	<i>International Journal of Business and Management/</i> 1833-8119	Quốc tế khác	13	11 (6), 95-107	2016
12	Antecedents of the Intention and Behavior toward Purchase of Counterfeit Luxury Goods in an Emerging Economy: A Study of Young Vietnamese Consumers	2	Tác giả chính	<i>Organizations and Markets in Emerging Economies/</i> 2029-4581	ISI (IF: 0.29 Q4)	7	8 (2), 73-90	2017
13	An investigation into the relationship between materialism and green purchase behavior in Vietnam and Taiwan	1	Tác giả	<i>Journal of Economics and Development/</i> 1859-0020	ACI/ Emerald	1	21 (2), 247-258	2019
14	Knowledge sharing and innovative work behavior: The case of Vietnam	4	Tham gia	<i>Uncertain Supply Chain Management/</i> 22916822	Scopus (IF: 1.05 Q2)	3	7, 619-634	2019
15	Materialistic values and green apparel purchase intention among young Vietnamese consumers	3	Tác giả chính	<i>Young Consumers/</i> 17473616	ISI (IF: 1.19 Q1)	6	20 (4), 246-263	2019
16	Antecedents of Purchase Intention toward Organic Food in an Asian Emerging Market: A Study of Urban Vietnamese Consumers	5	Tác giả chính	<i>Sustainability/</i> 2071-1050	ISI (IF: 2.592 Q2)	4	11(7), 4773-4788	2019
17	Integrating the Theory of Planned Behavior and self-image congruence theory to explain green product purchase intention	2	Tham gia	<i>International Journal of Marketing and Social Policy/</i> 2362-1044 (online)	Quốc tế khác		Volume 2 (Thư chấp nhận đăng bài)	2020

TẠP CHÍ TRONG NƯỚC								
18	Xây dựng chuẩn luận án tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh theo xu thế hội nhập	1	Tác giả	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số đặc biệt tháng 10, 9-18	2012
19	Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước: Vài nét về thực trạng, triển vọng và giải pháp	2	Tác giả chính	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 189 (tháng 3), 42-51	2013
20	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cảm nhận của khách hàng – Nghiên cứu định tính trong ngành thức ăn chăn nuôi tại miền Bắc Việt Nam	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 195 (tháng 9), 10-17	2013
21	Hoạt động kinh doanh của các liên doanh quốc tế: Nghiên cứu các liên doanh trong ngành viễn thông tại Lào	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 199 (tháng 1), 52-58	2014
22	Marketing quan hệ trong thị trường B2B: Nghiên cứu tình huống tại các khách sạn cao cấp tại Hà Nội	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 200 (tháng 2), 130-136	2014
23	FDI và phát triển kinh tế: Nghiên cứu tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 1990-2012	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 207 (tháng 9), 78-86	2014
24	Mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội doanh nghiệp với lòng trung thành của khách hàng trong ngành thức ăn chăn nuôi tại miền Bắc, Việt Nam	2	Tham gia	<i>Tạp chí Khoa học & Công nghệ/</i> 1859-3585			Số 24 (10), 82-87	2014
25	Sáng tạo tri thức ở các doanh nghiệp Việt Nam	3	Tham gia	<i>Tạp chí Quản lý Kinh tế/</i> 1859-039X			Số 63 (10+11+12), 18-25	2014

26	Nâng cao chất lượng Tạp chí Kinh tế và Phát triển theo hướng hội nhập quốc tế	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 209 (tháng 11), 3-13	2014
27	Impulse buying's antecedents and consequences in the context of Vietnam, an Asian transitional economy	3	Tham gia	<i>Journal of Economics and Development/</i> 1859-0020	ACI		18 (1), 74-91)	2016
28	Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa và phong cách sống đến ý định tiêu dùng xanh của người tiêu dùng trẻ tại Hà Nội	5	Tác giả chính	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 231 (tháng 9), 113-120	2016
29	Khuynh hướng thể hiện đẳng cấp và ý định mua của người tiêu dùng: Nghiên cứu đối với sản phẩm trần căng Barrisol trên địa bàn Hà Nội	2	Tác giả chính	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 233 (tháng 11), 113-120	2016
30	Materialism and Green Purchase Intention: A Study of Urban Vietnamese Consumers	4	Tác giả chính	<i>Journal of Economics and Development/</i> 1859-0020	ACI	2	19 (2), 89-106	2017
31	Informal institutions and entrepreneurial orientation: An exploratory investigation into Vietnamese small and medium enterprises	3	Tác giả chính (tác giả liên hệ)	<i>Journal of Economics and Development/</i> 1859-0020	ACI	1	20 (2), 107-124	2018
32	Ảnh hưởng của khuynh hướng thể hiện đẳng cấp tới sự sẵn sàng mua sản phẩm nội địa của giới trẻ Hà Nội	2	Tham gia	<i>Tạp chí Kinh tế & Phát triển/</i> 1859-0012			Số 271 (tháng 1), 61-69	2020

HỘI THẢO								
33	Cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào thị trường viễn thông tại Lào	1	Tác giả	Hội thảo KH Quốc tế tại Viêng Chăn (Lào)/978-604-927-209-7			Tập II, 173-184	2012
34	Attracting users to view advertising in facebook: An explorative study in Vietnam	2	Tham gia	HTKH quốc tế Pan-Pacific lần 32, tại Melia – Hà Nội/1-931649-27-5	Đạt giải <i>Bài viết xuất sắc nhất</i>		174-176	2015
35	Corporate Social Responsibility and its Consequences: A Study in Livestock Feed Industry in the North of Vietnam	2	Tác giả chính	HTKH quốc tế Macromarketing lần 40, tại Chicago, Hoa Kỳ/2168-1473			208-219	2015
36	Entrepreneurial Orientation in Vietnamese SMEs: An Exploratory Study in Hanoi	2	Tác giả chính (tác giả liên hệ)	HTKH quốc tế ICECH2015, tại Hà Nội/ 978-604-938-723-4	Có ký thỏa thuận khi đăng ký yếu		467-472	2015
37	Partnership Quality and Business Performance of Vietnamese Travel Companies	2	Tham gia	HTKH quốc tế “Emerging issues in economics and business in the context of international integration” (EIEB), tại Hà Nội/978-604-946-043-2			345-358	2015
38	Fashion counterfeit purchase intention and its antecedents: A study of young consumers in Hanoi	6	Tác giả chính	HTKH quốc tế EIEB, tại Hà Nội/ 978-604-946-189-7			192-207	2016
39	An investigation into the Southeast Asian consumer behavior toward tourism	2	Tham gia	HTKH quốc tế EIEB, tại Hà Nội/ 978-604-946-189-7			144-155	2016

40	An investigation into factors influencing entrepreneurial intention of business students in Hanoi: Application of the Theory of Planned Behavior	6	Tác giả chính	HTKH quốc tế “Đào tạo và nghiên cứu về kinh tế thị trường của các trường đại học Việt Nam”, tại Hà Nội/978-604-946-182-8			629-644	2016
41	Determinants of the intention to use mobile banking: An empirical study in Vietnam	2	Tham gia	HTKH quốc tế EIEB, tại Hà Nội/978-604-946-330-3			363-382	2017
42	Factors Influencing Green Apparel Purchase Intention: A Study of Young Consumers in Vietnam	6	Tác giả chính	The 43rd Macromarketing Conference tại Leipzig, Germany/978-3-00-060623-6			985-1004	2018
43	Drivers of Green Product Purchase Intention: An Empirical Study on Consumers in an Emerging Economy	2	Tham gia	The 43rd Macromarketing Conference tại Leipzig, Germany/978-3-00-060623-6			962-981	2018
44	Các yếu tố tác động định hướng sáng nghiệp: Nghiên cứu từ góc độ thể chế đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam	2	Tham gia	HTKH Quốc gia “Khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam: Cơ hội phát triển bền vững”/978-604-65-4482-1			298-317	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: **10** (08 tạp chí trong danh mục ISI, Scopus, và 02 tạp chí trong danh mục ACI/Asean Citation Index, và thuộc nhà xuất bản quốc tế uy tín Emerald).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Outstanding Paper Award at Pan-Pacific Conference XXXII (giải Bài viết xuất sắc nhất tại Hội thảo quốc tế Pan-Pacific lần thứ 32)	Pan-Pacific Business Association (Hiệp hội Kinh doanh Pan-Pacific)	3/6/2015	02
2	Best Annual Journal of Macromarketing (JMM) QOL Section Paper Award (giải thưởng niên Bài báo xuất sắc nhất của Tạp chí Macromarketing về lĩnh vực Chất lượng cuộc sống)	International Society for Quality of Life Studies (ISQOLS) (Tổ chức quốc tế nghiên cứu về Chất lượng cuộc sống)	6/2018	03

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS: **02**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng chương trình Thạc sĩ Quản trị Công nghệ Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp (MSc in Entrepreneurship, Technology and Innovation Management – ETIM) hợp tác với Đại học Tổng hợp Koblenz-Landau, Cộng hòa Liên bang Đức. Hiện chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào đào tạo.

- Tham gia tư vấn, xây dựng và quản lý chuyên môn (thành viên Ban chuyên môn theo Quyết định của Hiệu trưởng) Chương trình Cử nhân Khởi nghiệp và Phát triển Kinh doanh (B-BAE) hợp tác giữa ĐHTH Boise State (Idaho, Hoa Kỳ) và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hiện chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào đào tạo.

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị Kinh doanh bằng tiếng Anh (E-BBA) tại Viện Quản trị Kinh doanh. Hiện chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào đào tạo.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Nguyễn Thị Tuyết Mai